

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện: tại các xã Mỹ Thái, thị trấn Vôi và xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần thép Việt Úc

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi:

- Các hạng mục công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật như san nền, hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện và chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, trạm xử lý nước thải,...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Giai đoạn thi công, xây dựng:

++ Hoạt động bóc đất hữu cơ bề mặt, tái sử dụng trồng cây xanh tại dự án;

++ Hoạt động vận chuyển đồ thải đất đá thừa và vận chuyển vật liệu san nền về dự án;

++ Hoạt động thi công san nền và thi công, xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ khác.

++ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

+ Giai đoạn vận hành:

++ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu hành chính dịch vụ, hệ thống xử lý nước thải tập trung; các dự án đầu tư thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp.

++ Nước thải công nghiệp phát sinh từ các các dự án đầu tư thứ cấp trong giai đoạn vận hành Dự án.

++ Bụi, khí thải từ các dự án thứ cấp, từ hoạt động giao thông, mùi từ các khu lưu trữ rác và hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung.

++ Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn nguy hại từ khu nhà điều hành của Khu công nghiệp; rác thải khu vực hạ tầng (rác thải sinh hoạt và rác thải thông

thường như lá cây, đất cát trong quá trình quét dọn); chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt; chất thải nguy hại từ các dự án thứ cấp; bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống xử lý nước thải.

* Công suất:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Thái với diện tích 159,97 ha.
- Dự án nhóm: nhóm A;
- Cấp công trình: Cấp II. Trong đó:
 - + Giao thông: cấp 4;
 - + Cấp nước: cấp 3;
 - + Thoát nước thải: cấp 3;
 - + Trạm xử lý nước thải: cấp 3;
 - + Cống;
 - + Hàng rào;
 - + Thoát nước mưa: cấp 2;
 - + Cấp điện: cấp 4.

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án thuộc loại hình đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN, nên trong giai đoạn vận hành không có công nghệ sản xuất.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính, phụ trợ và môi trường của dự án

Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án, gồm 3 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: Hạ tầng giao thông nội bộ; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước mưa, nước thải; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc;...
- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Nhà điều hành, quản lý dự án; nhà bảo vệ; hệ thống PCCC;...
- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Trạm xử lý nước thải; kho chứa CTNH; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác.

Bảng 1.1. Thống kê chi tiết sử dụng đất của dự án

TT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT TỐI ĐA
1	Đất dịch vụ		5.67	3.54	50	9	4.5
	Đất dịch vụ 1	DV.1	1.28	0.80	50	9	
	Đất dịch vụ 2	DV.2	3.49	2.18	50	9	

TT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT TỐI ĐA
	Đất dịch vụ 3	DV.3	0.90	0.56	50	9	
2	Đất kỹ thuật		2.09	1.31	70	2	1.4
	Đất hạ tầng kỹ thuật - Trạm điện 110KVA	HTKT.1	0.54	0.34	70	2	
	Đất hạ tầng kỹ thuật - Trạm xử lý cấp nước, pccc	HTKT.2	0.53	0.33	70	2	
	Đất hạ tầng kỹ thuật - Xử lý nước thải	HTKT.3	1.02	0.64	70	2	
3	Đất nhà máy - nhà xưởng		94.92	59.34	70	5	3.5
	Đất công nghiệp - nhà xưởng 1	CN. 1	10.85	6.78	70	5	
	Đất công nghiệp - nhà xưởng 2	CN. 2	22.44	14.03	70	5	
	Đất công nghiệp - nhà xưởng 3	CN. 3	5.98	3.74	70	5	
	Đất công nghiệp - nhà xưởng 4	CN. 4	5.68	3.55	70	5	
	Đất công nghiệp - nhà xưởng 5	CN. 5	20.16	12.60	70	5	
	Đất công nghiệp - nhà xưởng 6	CN. 6	4.49	2.81	70	5	
	Đất công nghiệp - nhà xưởng 7	CN. 7	17.70	11.06	70	5	
	Đất công nghiệp - nhà xưởng 8	CN. 8	7.62	4.76	70	5	
4	Đất cây xanh - mặt nước		25.17	15.73			0.05
4.1	Đất cây xanh- cây xanh cách ly		16.02	10.01	5	1	0.05
	Đất cây xanh 1	CX.1	2.08	1.30	5	1	
	Đất cây xanh 2	CX.2	1.72	1.08	5	1	
	Đất cây xanh 3	CX.3	5.18	3.24	5	1	
	Đất cây xanh 4	CX.4	1.22	0.76	5	1	
	Đất cây xanh cách ly 1	CXCL.1	0.71	0.44			
	Đất cây xanh cách ly 2	CXCL.2	1.34	0.84			
	Đất cây xanh cách ly 3	CXCL.3	1.13	0.71			
	Đất cây xanh cách ly 4	CXCL.4	0.78	0.49			

TT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT TỐI ĐA
	Đất cây xanh cách ly 5	CXCL.5	0.75	0.47			
	Đất cây xanh cách ly 6	CXCL.6	0.68	0.43			
	Đất cây xanh cách ly 7	CXCL.7	0.43	0.27			
4.2	Đất mặt nước		9.15	5.72			
	Đất mặt nước 1	MN.1	2.78	1.74			
	Đất mặt nước 2	MN.2	2.25	1.41			
	Đất mặt nước 3	MN.3	1.57	0.98			
	Đất mặt nước 4	MN.4	1.45	0.91			
	Đất mặt nước 5	MN.5	0.55	0.34			
	Đất mặt nước 6	MN.6	0.55	0.34			
5	Đất giao thông		32.12	20.08			
5.1	Đất bãi xe		3.70	2.31	70	3	2.1
	Đất bãi xe 1	P.1	0.65	0.41	70	3	
	Đất bãi xe 2	P.2	1.35	0.84	70	3	
	Đất bãi xe 3	P.3	1.70	1.06	70	3	
5.2	Đường giao thông nội bộ		28.42	17.77			
	Tổng		159.97	100.00			

[Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án]

1.4.2. Các hoạt động của dự án

Bảng 1.3. Các hoạt động của dự án

Các giai đoạn của Dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1	2	3	4	5
Chuẩn bị	- Đền bù giải phóng mặt bằng	Tháng 10/2025 đến tháng 3/2026	- Đền bù theo quy định của pháp luật	- Kinh tế, xã hội
	- Phát quang thảm thực vật.	Tháng 10/2025 đến tháng 3/2026	- Sử dụng lao động thủ công	- Sinh khối thực vật
			- Sử dụng máy móc (Máy đào, máy xúc). - Sử dụng ô tô vận chuyển	- Bụi, khí thải. - Tiếng ồn. - Chất thải rắn.

	- San lấp mặt bằng dự án - Nạo vét bùn hữu cơ	Tháng 10/2025 đến tháng 3/2026	- Sử dụng máy móc (máy xúc, máy lu, máy đầm..) - Sử dụng ô tô vận chuyển	- Bụi, khí thải. - Tiếng ồn, rung động - Chất thải rắn.
	- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công tại công trường		-	- Bụi, khí thải - Tiếng ồn, rung động
	- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu		-	- Bụi, khí thải - Tiếng ồn.
	- Hoạt động cán bộ công nhân viên thi công		-	- Nước thải sinh hoạt của công nhân - CTR sinh hoạt - Tác động đến an ninh trật tự xã hội
	- Nước mưa chảy tràn		-	- Môi trường đất, nước
Thi công xây dựng	- Xây dựng các hạng mục công trình: hệ thống rãnh thoát nước mưa, nước thải, thi công đường giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc....	Tháng 4/2026 – tháng 12/2027	- Sử dụng lao động thủ công. - Sử dụng ô tô vận chuyển. - Sử dụng máy móc thi công	- Bụi, khí thải. - Tiếng ồn, rung động - Chất thải rắn. - Nước thải thi công
	- Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu			- Bụi, khí thải - Tiếng ồn
	- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công tại công trường			- Bụi, khí thải - Tiếng ồn
	- Hoạt động cán bộ công nhân viên thi công			- Nước thải sinh hoạt của công nhân - CTR sinh hoạt - Tác động đến an ninh trật tự xã hội
	- Nước mưa chảy tràn			- Môi trường đất, nước
Hoạt động	+ Hoạt động của cán bộ, công nhân khu hành chính dịch vụ, hệ thống xử lý nước thải tập trung;	- Trong suốt quá trình hoạt động	- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất từ các dự án đầu tư thứ cấp được xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT,	- Bụi và khí thải độc hại của các phương tiện giao thông. - Mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý chất thải tập trung, hệ

	các dự án đầu tư thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp. + Hoạt động giao thông, mùi từ các khu lưu trữ rác và hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. + Hoạt động điều hành của Khu công nghiệp; rác thải khu vực hạ tầng		cột B trước khi thu về 01 trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất 3.500 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. - Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn nguy hại từ khu nhà điều hành của Khu công nghiệp; rác thải khu vực hạ tầng (rác thải sinh hoạt và rác thải thông thường như lá cây, đất cát trong quá trình quét dọn); chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt; chất thải nguy hại từ các dự án thứ cấp; bùn thải từ hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống xử lý nước thải.	thống thu gom rác thải, nước thải. - Nước thải sinh hoạt, dịch vụ, nước mưa chảy tràn. - Chất thải rắn sinh hoạt, nguy hại, bùn thải.
--	--	--	--	--

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 116,59 ha. Theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025-CP của Chính phủ thì dự án thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

- Dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” được thực hiện tại các xã Mỹ Thái, thị trấn Vôi và xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Diện tích sử dụng đất khoảng 159,97 ha.

- Vị trí tiếp giáp của dự án:

+ Phía Bắc: Giáp Khu dân cư và cánh đồng thôn Chi Lễ, thôn Cầu Trong, xã Mỹ Thái;

+ Phía Nam: Giáp Khu dân cư các thôn Chi Lễ, Cầu Ngoài, Cầu Trong, xã Mỹ Thái;

+ Phía Đông: Giáp cánh đồng thôn Thượng, xã Mỹ Thái và Tổ dân phố Hoàn Sơn, thị trấn Vôi;

+ Phía Tây: Giáp Khu dân cư thôn Đức Thọ và đê Dương Đức, xã Dương Đức.

- Vị trí dự án không thuộc khu vực đô thị.

- Dự án không thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

- Dự án không thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị loại đặc biệt.

*** Hiện trạng quản lý, sử dụng đất:**

- Khu vực thực hiện dự án chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp trồng lúa, vườn cây và ao hồ trũng, nuôi trồng thủy hải sản với hiện trạng sử dụng đất gồm các loại đất như sau:

Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng đất

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất nông nghiệp		145,41	90,90
1	Đất sản xuất nông nghiệp	LUC	116,59	72,88
2	Đất trồng cây hàng năm	BHK	8,15	5,09
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,67	12,92
B	Đất phi nông nghiệp		14,56	9,10
1	Đất nhà ở nông thôn	ONT	0,60	0,38
2	Công trình thủy lợi (kênh, rạch)	DTL	5,59	3,49
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,95	0,59
5	Đất giao thông	DGT	7,12	4,45
4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		0,30	0,19
Tổng diện tích			159,97	100,00

- Đất trong phạm vi khu vực dự án chủ yếu là đất nông nghiệp, rất thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Hiện trạng trong phạm vi dự án cơ bản là đất nông nghiệp (đất chuyên trồng lúa nước), chiếm khoảng 72,88% diện tích, theo định hướng phát triển nông nghiệp, sẽ không xác định phát triển nông nghiệp tại diện tích này. Tuy nhiên, khi thực hiện dự án sẽ phải chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và phải thực hiện đầy đủ các quy định của Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Trong tổng diện tích đất quy hoạch có 03 hộ dân trong phạm vi nghiên cứu, với kiến trúc nhà ở 01 tầng, tường gạch xây đất nung kiên cố, 02 hộ hiện trạng kiến trúc đã xuống cấp, 01 hộ hiện trạng kiến trúc xây mới, mái lợp tôn. Ngoài ra còn 1 số công trình phụ phục vụ chăn nuôi, 01 nhà đốt rác của xã Mỹ Thái.

a. Hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật và môi trường

*** Giao thông:**

- Giao thông đối ngoại:

+ Phía Đông khu vực lập quy hoạch tiếp giáp tuyến đường ĐHQH4 với quy mô lòng đường rộng 15,0m mặt đường (dự án đang triển khai).

+ Phía Tây khu vực lập quy hoạch tiếp giáp tuyến đường ĐH06 và ĐH07 với quy mô lòng đường rộng 9,0m mặt đường, có hướng đi TL295B – đi Dương Đức.

- Giao thông đối nội:

+ Khu vực nghiên cứu được kết nối bằng các tuyến đường bê tông hiện trạng với mặt cắt 3,0 – 5,0m.

+ Cùng với một số tuyến đường nội đồng kết cấu đường đất có mặt cắt trung bình khoảng 1,5÷3,5m kết hợp kênh mương, phục vụ người dân đi lại và thuận tiện cho việc canh tác nông nghiệp.

- Cao độ đường giao thông hiện trạng tiếp giáp với khu vực phía Nam cạnh đồ án lập quy hoạch là: +5,76m đến +6.37m

- Cao độ đường giao thông hiện trạng tiếp giáp với khu vực phía Bắc cạnh đồ án lập quy hoạch là: +5,36m đến +8.34m.

*** Hiện trạng nền và xung quanh khu vực dự án:**

Khu vực quy hoạch có nền địa hình tương đối bằng phẳng, có một số vị trí địa hình dốc cục bộ, độ dốc nền thoải, xây dựng khá thuận lợi.

- Nền khu vực cao độ trung bình $+(1,78 \div 9,1)$ m;

- Nền đất canh tác tại các vị trí trũng thường bị úng ngập trong mùa mưa, có độ dốc nền nhỏ $Inền < 0,4\%$, ít thuận lợi cho việc thoát nước mặt tự chảy;

Nhìn chung cao độ nền hiện trạng đều không bị ảnh hưởng ngập úng, nền địa chất khá ổn định có độ dốc thuận lợi để thoát nước tự chảy.

Ngoài ra cao độ nền dân cư hiện trạng tiếp giáp với dự án (nằm ngoài dự án) ở phía Nam từ +5,50m đến +6,42m; ở phía Bắc là từ +5,80 đến +6,05m.

** Hiện trạng hạ tầng cấp nước:*

- Cấp nước sinh hoạt:

Trong khu vực nghiên cứu chưa có hệ thống cấp nước sạch, tuy nhiên khu vực dân cư lân cận có hệ thống đường ống cấp nước sạch từ nhà máy nước DNP Bắc Giang chạy ngầm trên tuyến đường DH07. Do đó việc đầu nối cấp nước cho khu vực khi hình thành rất thuận lợi và dễ dàng;

Hiện tại các hộ dân xung quanh khu vực đang sử dụng nước sạch mạng lưới cấp nước DNP Bắc Giang với chất lượng và lưu lượng đảm bảo sinh hoạt.

- Cấp nước phục vụ nông nghiệp:

Với hệ thống mạng lưới kênh mương đầy đủ phục vụ nhu cầu nông nghiệp của người dân, nguồn nước được lấy từ ngòi Chi Lễ đi Tân Thanh (Kênh tiêu Đức Mại), cùng với các trạm bơm cấp nước tới kênh mương và chảy vào khu vực canh tác trồng trọt của người dân.

** Hiện trạng hạ tầng cấp điện:*

- Nguồn điện:

+ Nguồn điện được lấy từ trạm biến áp Mỹ Thái 4 (180KVA/6(22/0,4KV) nằm tại trung tâm khu vực nghiên cứu.

+ Hiện tại trong khu vực lập quy hoạch có các tuyến đường điện hạ thế, đường điện trung thế chạy qua nhằm phục vụ nhu cầu của các hộ dân sinh sống quanh khu vực nghiên cứu.

- Nhận xét đánh giá hiện trạng:

+ Khu vực nghiên cứu chủ yếu là đất nông nghiệp nên hệ thống cấp điện dân sinh cũng như là chiếu sáng chưa được hoàn chỉnh.

+ Đường điện chạy qua khu vực nghiên cứu đi nối đầu nối phục vụ cho dân cư hiện trạng quang khu vực lập Quy hoạch.

** Hiện trạng hạ tầng thông tin liên lạc:*

- Trong khu vực lập quy hoạch có 01 tuyến đường cáp thông tin chạy qua và 1 tuyến cáp thông tin chạy dọc theo trục đường DH07. Tuyến cáp đi nối

- Các hộ dân ngoài khu vực lân cận lập quy hoạch có nhà cung cấp dịch vụ thông tin viễn thông như: Tổng công ty Viễn thông Việt nam (VNPT), Công ty Viễn thông quân đội (Viettel). Công ty viễn thông điện lực (EVN);

- Mạng di động: Đã được phủ kín sóng cho toàn bộ khu vực này. Hiện tại mạng di động đang sử dụng công nghệ GSM và CDMA.

- Dịch vụ truyền hình được cung cấp quảng bá, miễn phí từ Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Truyền hình tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra, 2 đài truyền hình trên cung cấp tín hiệu cáp có tính phí. Bên cạnh đó còn có các đài truyền hình các tỉnh lân cận.

- Các dịch vụ viễn thông được triển khai hiện nay chủ yếu là dịch vụ cơ bản, gồm:

- + Thoại truyền thống và Fax (POST)
- + Điện thoại di động (GSM và CDMA)
- + Truy nhập Internet XDSL và wifi
- + Mạng số liệu...

b. Hiện trạng thoát nước, kênh mương, ao hồ và tình trạng ngập lụt tại khu vực dự án và xung quanh

**** Hiện trạng nước mặt trong khu vực dự án***

- Địa hình khu vực lập quy hoạch có hướng dốc từ phía Bắc xuống phía Nam, từ Đông sang Tây hệ thống thoát nước được chảy theo mương tiêu chảy ra các đầm trũng, ao hồ chảy về Ngòi Chi Lễ (kênh Đức Mại) nằm ở phía Bắc dự án rồi đổ về sông Thương nằm ở phía Tây của dự án, phần còn lại tự thấm thấu vào mặt đất tự nhiên.

- Khu vực dự án nằm trên các thôn Chi Lễ, thôn Cầu Trong, thôn Cầu Ngoài, thôn Thượng. Nước mặt từ các thôn đổ ra ao hồ hiện trạng, mương tiêu hướng thoát từ Nam lên Bắc và từ Đông sang Tây sau đó đổ vào về Ngòi Chi Lễ (kênh Đức Mại).

- Khu vực chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, có một vài tuyến cống, mương hở thoát nước và bám theo các trục đường giao thông trong khu vực.

**** Hiện trạng thoát nước mặt:***

- Địa hình khu vực lập quy hoạch có hướng dốc từ phía Bắc xuống phía Nam, từ Đông sang Tây hệ thống thoát nước được chảy theo mương tiêu chảy ra các đầm trũng, ao hồ chảy về Ngòi Chi Lễ (kênh Đức Mại) nằm ở phía Bắc dự án rồi đổ về sông Thương nằm ở phía Tây của dự án, phần còn lại tự thấm thấu vào mặt đất tự nhiên.

- Khu vực dự án nằm trên các thôn Chi Lễ, thôn Cầu Trong, thôn Cầu Ngoài, thôn Thượng. Nước mặt từ các thôn đổ ra ao hồ hiện trạng, mương tiêu hướng thoát từ Nam lên Bắc và từ Đông sang Tây sau đó đổ vào về Ngòi Chi Lễ (kênh Đức Mại).

- Khu vực chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, có một vài tuyến cống, mương hở thoát nước và bám theo các trục đường giao thông trong khu vực.

**** Tình trạng ngập lụt tại khu vực dự án và xung quanh:***

- Cao độ hiện trạng khu vực quy hoạch chủ yếu là ruộng canh tác nông nghiệp, có địa hình tương đối bằng phẳng dốc nhỏ, cao độ tự nhiên thấp nhất +1.78m; cao độ tự nhiên cao nhất +9.10m.

- Cao độ đường giao thông hiện trạng tiếp giáp với khu vực phía Nam cạnh đồ án lập quy hoạch là: +5,76m đến +6.37m.

- Cao độ đường giao thông hiện trạng tiếp giáp với khu vực phía Bắc cạnh đồ án lập quy hoạch là: +5,36m đến +8.34m.

Khu vực quy hoạch có nền địa hình tương đối bằng phẳng, có một số vị trí địa hình dốc cục bộ, độ dốc nền thoải, xây dựng khá thuận lợi.

- Nền khu vực cao độ trung bình $+(1,78 \div 9,1) \text{ m}$;

- Nền đất canh tác tại các vị trí trũng thường bị úng ngập trong mùa mưa, có độ dốc nền nhỏ $Inền < 0,4\%$, ít thuận lợi cho việc thoát nước mặt tự chảy;

Nhìn chung cao độ nền hiện trạng đều không bị ảnh hưởng ngập úng, nền địa chất khá ổn định có độ dốc thuận lợi để thoát nước tự chảy.

Ngoài ra cao độ nền dân cư hiện trạng tiếp giáp với dự án (nằm ngoài dự án) ở phía Nam từ +5,50m đến +6,42m; ở phía Bắc là từ +5,80 đến +6,05m.

** Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:*

- Thoát nước thải:

+ Khu vực nghiên cứu quy hoạch chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, chưa có hệ thống thoát nước thải hoàn chỉnh;

+ Một số hộ dân trong khu vực và dân cư ngoài khu vực sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải xả trực tiếp vào hệ thống mương thoát nước mưa mà không qua xử lý;

+ Chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Hướng thoát nước chủ yếu ra các ao hồ và khu vực trũng thấp.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Trong khu vực nghiên cứu có điểm thu gom rác thải kết hợp lò đốt rác của xã Mỹ Thái nằm tại trung tâm khu vực nghiên cứu, cách xa khu dân cư hiện trạng, hiện trạng kiến trúc xuống cấp.

+ Các hộ dân tập trung thu gom và xử lý chất thải rắn. Chất thải rắn được tập kết tại điểm tập trung rồi điểm trung chuyển đến khu xử lý chất thải của xã. Tuy nhiên, hiện tượng rác thải bừa bãi vẫn xảy ra gây ô nhiễm môi trường.

- Nghĩa trang:

+ Trong khu vực nghiên cứu không có nghĩa trang tập trung chủ yếu là mộ nằm rải rác xen kẽ trên đất nông nghiệp được người dân chôn lấp tự do.

+ Phía Bắc khu vực nghiên cứu tiếp giáp với một nghĩa trang nhân dân thôn Cầu Ngoài.

+ Phía Tây Nam giáp khu vực lập quy hoạch.

*** Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường**

- Trung tâm kinh tế - chính trị: Dự án thuộc địa phận xã Mỹ Thái và thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Dự án cách UBND xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khoảng 1 km về phía Đông Nam; cách UBND thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khoảng 4,08 km về phía Đông và cách trung tâm huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khoảng 4,14 km về phía Đông.

- Dân cư: Khu vực thực hiện dự án có khoảng cách đến dân cư hiện trạng thôn Chi Lễ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khoảng 85,0m; đến dân cư hiện trạng thôn Cầu Trong, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khoảng 66,5m và thôn Cầu Trong, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khoảng 100 m.

- Hệ thống đường giao thông: Phía Đông khu vực lập quy hoạch tiếp giáp tuyến đường quy hoạch ĐHQH4 với quy mô lòng đường rộng 15,0m mặt đường (dự án đang triển khai); Phía Tây khu vực lập quy hoạch tiếp giáp tuyến đường ĐH06 và ĐH07 với quy mô lòng đường rộng 9,0m mặt đường, có hướng đi TL295B – đi Dương Đức. Ngoài ra, trong khu vực dự án có một số tuyến đường giao thông bê tông hiện trạng với mặt cắt 3,0 – 5,0m và tuyến đường nội đồng kết cấu đường đất có mặt cắt trung bình khoảng 1,5÷3,5m kết hợp kênh mương, phục vụ người dân đi lại và thuận tiện cho việc canh tác nông nghiệp.

- Các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí: Không có trong khu vực.

- Khu vực thực hiện dự án không có các khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa được xếp hạng và các đối tượng kinh tế - xã hội khác.

- Đối tượng sản xuất công nghiệp: Trong khu vực thực hiện dự án không có đối tượng sản xuất công nghiệp.

- Trường học: Phía Nam dự án cách trường mầm non, trường THCS, trường Tiểu học xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang khoảng 1,01 km.

Như vậy, khu vực thực hiện dự án nằm gần các điểm khu dân cư hiện hữu, khu sản xuất công nghiệp tập trung, do đó trong quá trình xây dựng sẽ gây ra một số tác động tiêu cực đến các đối tượng xung quanh dự án như: bụi, tiếng ồn, khí thải, chất thải, ách tắc giao thông... Tuy nhiên những tác động xảy ra không liên tục và chỉ diễn ra trong thời gian ngắn trong quá trình xây dựng, chủ dự án đưa ra những giải pháp

giảm thiểu hiệu quả. Sau khi đi vào vận hành dự án sẽ mang lại những hiệu quả tích cực về kinh tế xã hội.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1. Nước thải, khí thải

*** Giai đoạn xây dựng dự án:**

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 3,4 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Coliforms.
 - + Nước thải thi công phát sinh khoảng 1,95 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng.
- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:
 - + Bụi, khí thải từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂,...
 - + Bụi, khí thải từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂,...
 - + Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên, vật liệu xây dựng đến khu vực dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂,...
 - + Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện thi công xây dựng trong quá trình xúc bốc, san gạt đất, phát quang thảm thực vật. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂,...
- Bụi phát sinh từ hoạt động bóc dỡ nguyên vật liệu. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi.
- Bụi phát sinh từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm và vệ sinh lớp móng cấp phối đá dăm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi.
- Bụi phát sinh từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi trải nhựa; tác động hơi nhựa đường phát sinh từ quá trình trải nhựa tuyến đường nội bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi.
- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn kim loại. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Fe₂O₃, SiO₂, K₂O, CaO,...

*** Giai đoạn vận hành:**

- Các nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nước thải phát sinh từ hoạt động của văn phòng, nhà điều hành: Chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, nhà ăn của cán bộ, công nhân viên.

Nguồn nước thải từ các hoạt động này được xử lý bằng bể tự hoại, sau đó đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Coliforms.

+ Nước thải phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp. Đặc trưng của nước thải phát sinh từ KCN:

STT	Mã ngành nghề	Tên ngành nghề	Thông số ô nhiễm đặc trưng
1	C10	Sản xuất, chế biến thực phẩm	Amoni, tổng Nitơ, tổng Phốt pho.
2	C11	Sản xuất đồ uống	Amoni, dầu mỡ động thực vật.
3	C12	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	Độ màu.
4	C13	Dệt (không bao gồm nhuộm)	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni.
5	C14	Sản xuất trang phục (không bao gồm nhuộm)	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, chất hoạt động bề mặt anion.
6	C15	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không bao gồm mã ngành C1511)	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, độ màu, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion.
7	C16	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	Độ màu, dầu mỡ khoáng.
8	C17	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm mã ngành C1701)	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, độ màu, dầu mỡ khoáng, sunfua.
10	C20	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (không bao gồm mã C2021)	
	C 20112	Sản xuất chất nhuộm và chất màu	Độ màu, amoni.
	C 20113	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản	Độ màu, amoni.
	C 20114	Sản xuất hoá chất hữu cơ cơ bản	Độ màu, amoni.
	C 20119	Sản xuất hóa chất cơ bản khác	Độ màu, amoni.
	C 2012	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, độ màu.

	C 2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	Amoni, dầu mỡ khoáng.
	C 2021	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Amoni.
	C 2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, formaldehyde, 1,4-Dioxane, chất hoạt động bề mặt anion, dầu mỡ khoáng, dầu mỡ động thực vật.
	C 2029	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni.
11	C21	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni.
12	C22	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	
	C 221	Sản xuất sản phẩm từ Cao su	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, dầu mỡ khoáng, độ màu.
	C 222	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Amoni, dầu mỡ khoáng.
13	C23	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	
	C 231	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	Độ màu, Florua, dầu mỡ khoáng.
	C 239	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (chưa được phân vào đâu)	Độ màu, amoni, dầu mỡ khoáng.
14	C24	Sản xuất kim loại	
	C 241	Sản xuất sắt, thép, gang	Độ màu, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, dầu mỡ khoáng, As, Hg, Pb, Cd, tổng Cr, Mn, Fe.
	C 242	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	Độ màu, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, dầu mỡ khoáng.
	C 243	Đúc kim loại	Độ màu, amoni, dầu mỡ khoáng.
15	C251	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi	Amoni, dầu mỡ khoáng.
16	C259	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	Amoni, dầu mỡ khoáng.

17	C26	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	Amoni, dầu mỡ khoáng.
18	C27	Sản xuất thiết bị điện	Amoni, dầu mỡ khoáng.
	C 272	Sản xuất pin và ắc quy	Chì, amoni, dầu mỡ khoáng.
19	C28	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	Amoni, dầu mỡ khoáng.
20	C29	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	Amoni, dầu mỡ khoáng.
21	C309	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu	
25	D35	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	
	D 35112	Nhiệt điện than	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, dầu mỡ khoáng, phenol, tổng phenol, chất hoạt động bề mặt anion, Florua.
26	E36	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	Mn, Fe, As.
27	E37	Thoát nước và xử lý nước thải	
	E 37002	Xử lý nước thải (bao gồm hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp)	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, dầu mỡ khoáng.
28	E38	Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu (không bao gồm mã ngành E382)	Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, dầu mỡ khoáng.

+ Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt KCN sẽ cuốn theo đất cát, rác, dầu mỡ, các tạp chất rơi vãi trên mặt đất và các tạp chất bám trên mái nhà xưởng xuống nguồn nước tiếp nhận.

- Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong Khu công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

+ Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp.

+ Mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CH_4 , NH_3 , H_2S , metyl mercaptan.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, NO_x , CO, SO_2 .

2.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

*** Giai đoạn xây dựng dự án:**

- Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 30 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, chất thải hữu cơ, giấy vụn,...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường.

+ Cây cối từ quá trình phát quang phát sinh khoảng 174,85 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, cành, rễ, lá cây,...

+ Chất thải từ quá trình phá dỡ công trình hiện hữu: Khối lượng phá dỡ các công trình hiện trạng (nhà ở, trạm bơm, khu xử lý rác thải,... ước tính khoảng 725 tấn phế thải cần xử lý, thành phần phế thải chủ yếu là gạch vỡ, xi măng khô, một phần sắt thép, tôn.

+ Đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển: khối lượng đất đá rơi vãi phát sinh mỗi ngày là $0,81 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là đất, đá.

+ Bùn từ quá trình nạo vét ao hồ, kênh mương thủy lợi: khối lượng khoảng 124.020 m^3 .

+ Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng $0,43 \text{ tấn/ngày}$. Chất thải này chủ yếu là bao bì carton, giá gỗ dựng thiết bị, dây dứa, ba via, đầu mẫu thừa, sắt thép, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, bê tông thừa...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong giai đoạn này là không đáng kể, do sử dụng ít các phương tiện, máy móc thiết bị, thời gian thi công ngắn. Các loại chất thải chủ yếu là dầu mỡ, giẻ lau dính dầu từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khi bị hỏng đột xuất. Khối lượng phát sinh dự báo khoảng 295 kg/tháng .

*** Giai đoạn vận hành:**

- Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp:

++ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 8.298 kg/ngày . Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi nilon, vỏ chai,...

++ Chất thải rắn công nghiệp phát sinh khoảng 48 tấn/ngày . Thành phần chủ yếu là:

TT	Các ngành sản xuất	Đặc trưng chất thải thông thường
1	Các ngành công nghiệp điện, điện tử, điện lạnh và công nghệ thông tin: Tin học phần mềm, sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị văn phòng, thiết bị điện công nghiệp, điện tử chuyên dụng, điện lạnh.	- Sản phẩm không đạt; - Nhựa, vỏ dây điện; - Bao bì (giấy, nilon) - Nguyên liệu lỗi, hỏng
2	Các ngành công nghiệp cơ khí chính xác, sản xuất cáp điện	- Bao bì (giấy, nilon); - Sản phẩm không đạt chất lượng; - Nhựa, cao su
3	Các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: sản xuất dụng cụ và thiết bị y tế; sản xuất dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi, nhạc cụ, trang sức; sản xuất văn phòng phẩm; dệt may, giày dép	- Sản phẩm không đạt chất lượng - Kim loại, vụn và mảnh sắt thải bỏ - Bao bì và các vật liệu thải bỏ
4	Các ngành công nghiệp hóa chất (hóa chất tiêu dùng, mỹ phẩm); công nghệ sản xuất hóa mỹ phẩm; công nghiệp sản xuất sơn; công nghiệp sản xuất da (trừ thuộc da); công nghiệp sản xuất pin và ắc quy	- Sản phẩm không đạt chất lượng; - Nguyên liệu hỏng, thải bỏ - Bao bì và các vật liệu thải bỏ
5	Ngành công nghiệp chế biến nông sản, lương thực - thực phẩm, thủy sản.	- Bao bì (giấy, nilon); - Bao bì và các vật liệu thải bỏ - Các chất thải hữu cơ với nguồn gốc động, thực vật hoặc là các sản phẩm từ quá trình lên men
6	Các ngành công nghiệp sạch: công nghiệp sản xuất vật liệu mới, sợi thủy tinh; công nghiệp năng lượng; công nghiệp sinh học	- Bao bì (giấy, nilon); - Bao bì và các vật liệu thải bỏ
7	Kho vận, kho vận - cảng khô và các ngành công nghiệp phụ trợ	- Bao bì (giấy, nilon); - Bao bì và các vật liệu thải bỏ
9	Các ngành công nghiệp vật liệu: sản xuất vật liệu xây dựng, phụ kiện, phụ gia cho ngành xây dựng; công nghiệp bao bì, chế bản, in ấn; sản xuất gia công chế biến gỗ, vật dụng trang trí nội thất	- Bao bì (giấy, nilon); - Bao bì và các vật liệu thải bỏ - Nguyên liệu lỗi hỏng

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành lớn nhất khoảng 15,3 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu:

TT	Các ngành sản xuất	Đặc trưng chất thải thông thường
1	Các ngành công nghiệp điện, điện tử, điện lạnh và công nghệ thông tin: Tin học phần mềm, sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị văn phòng, thiết bị điện công nghiệp, điện tử chuyên dụng, điện lạnh.	- Phế liệu mạch điện tử; - Sản phẩm không đạt chất lượng; - Giẻ lau dính dầu mỡ; - Cặn dầu thải - Bùn thải có chứa thành phần nguy hại
2	Các ngành công nghiệp cơ khí chính xác, sản xuất cáp điện	- Giẻ lau dính dầu, cặn dầu thải - Thùng dung môi, hộp sơn - Bóng đèn huỳnh quang thải - Bùn thải có chứa thành phần nguy hại
3	Các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: sản xuất dụng cụ và thiết bị y tế; sản xuất dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi, nhạc cụ, trang sức; sản xuất văn phòng phẩm; dệt may, giày dép	- Giẻ lau dính dầu mỡ; - Cặn dầu thải; - Thùng chứa gas, tác nhân lạnh; - Linh kiện hỏng, block gas.
4	Các ngành công nghiệp hóa chất (hóa chất tiêu dùng, mỹ phẩm); công nghệ sản xuất hóa mỹ phẩm; công nghiệp sản xuất sơn; công nghiệp sản xuất da (trừ thuộc da); công nghiệp sản xuất pin và ắc quy	- Giẻ lau dính dầu mỡ; - Cặn dầu thải; - Thùng đựng dung môi, sơn.
5	Ngành công nghiệp chế biến nông sản, lương thực - thực phẩm, thủy sản.	- Giẻ lau dính dầu, cặn dầu thải; - Bùn thải sau xử lý nước thải - Bao bì đựng hóa chất thải.
6	Các ngành công nghiệp sạch: công nghiệp sản xuất vật liệu mới, sợi thủy tinh; công nghiệp năng lượng; công nghiệp sinh học	- Giẻ lau dính dầu mỡ; - Cặn dầu thải; - Thùng đựng dung môi, sơn; - Pin năng lượng mặt trời hết hạn sử dụng.
7	Kho vận, kho vận - cảng khô và các ngành công nghiệp phụ trợ	- Giẻ lau dính dầu mỡ; - Cặn dầu thải; - Bao bì đựng hóa chất thải
8	Các ngành công nghiệp vật liệu: sản xuất vật liệu xây dựng, phụ kiện, phụ gia cho ngành xây dựng; công nghiệp bao bì, chế bản, in ấn; sản xuất gia công chế biến gỗ, vật dụng trang trí nội thất	- Giẻ lau dính dầu mỡ; - Cặn dầu thải; - Thùng đựng dung môi, sơn; - Bóng đèn huỳnh quang thải; - Mực in thải

2.2.3. Tiếng ồn, độ rung:

* **Giai đoạn xây dựng:** Tiếng ồn, rung do hoạt động của các phương tiện thi công như máy cưa, máy cắt, máy xúc, máy san gạt, phương tiện vận chuyển nguyên thực vật phát quang.

* **Giai đoạn vận hành:**

- Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông;
- Tiếng ồn từ hoạt động của các nhà máy đến khu vực xung quanh

2.2.4. Các tác động khác

* **Giai đoạn xây dựng:**

- Tác động của việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đến đời sống của người dân;
- Tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực;
- Tác động đến giao thông khu vực;
- Tác động đến mương thoát nước khu vực, ngập lụt cục bộ khu vực xung quanh;
- Tác động do chiếm dụng các tuyến đường nội đồng;
- Các loại vật liệu nổ tồn lưu từ chiến tranh;
- Tác động đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng;
- Dự báo rủi ro về sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng: Sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai; sự cố ngộ độc thực phẩm; sự cố về hư hỏng tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu; sự cố sạt lở taluy.

* **Giai đoạn vận hành:**

- Tác động đối với hệ sinh thái khu vực thực hiện Dự án;
- Đánh giá tác động tới kinh tế - xã hội;
- Dự báo những rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động khai thác: sự cố cháy nổ, rò rỉ nhiên liệu, hoá chất; sự cố đối với khu lưu giữ chất thải nguy hại; sự cố hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải; sự cố do thời tiết bất thường; sự cố ngập úng tại KCN và các khu vực xung quanh; sự cố của các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

2.3.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

* **Giai đoạn xây dựng:**

- Đối với nước thải thi công:
 - + Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.
 - + Bố trí khoảng 2-3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau

đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng.

+ Đối với nước thải nhiễm dầu từ khu vực vệ sinh máy móc thiết bị xây dựng (khu vực rửa xe) theo tính toán ở phần trên khối lượng khoảng $1,0\text{m}^3/\text{ngày}$ được đưa qua hệ thống tách dầu trước khi tận dụng nước sau xử lý tưới đập bụi khu vực thi công.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Ở giai đoạn này, phần lớn công nhân được huy động tại địa phương, bên cạnh đó trên công trường chỉ xây dựng một lán trại tạm phục vụ việc nghỉ ngơi và bảo vệ công trình. Chủ dự án xây dựng nhà vệ sinh tạm để công nhân vệ sinh hàng ngày.

+ Đối với nước thải sinh hoạt từ khu vực lán trại công nhân và trên công trường, để đảm bảo vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng hạ tầng khu dân cư nhà thầu thi công sẽ bố trí công trình xử lý tạm bằng việc trang bị 02 nhà vệ sinh di động (thuê hoặc mua container vệ sinh di động hợp khối có sẵn) đặt trên công trường để đáp ứng đủ nhu cầu vệ sinh của công nhân trong quá trình thi công.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải. Đường thoát nước thải sinh hoạt di động sẽ được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu vực.

+ Nhà vệ sinh di động sẽ được sử dụng cả ở giai đoạn san nền và xây dựng. Sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, các nhà vệ sinh sẽ được tháo dỡ di chuyển đi các công trình khác.

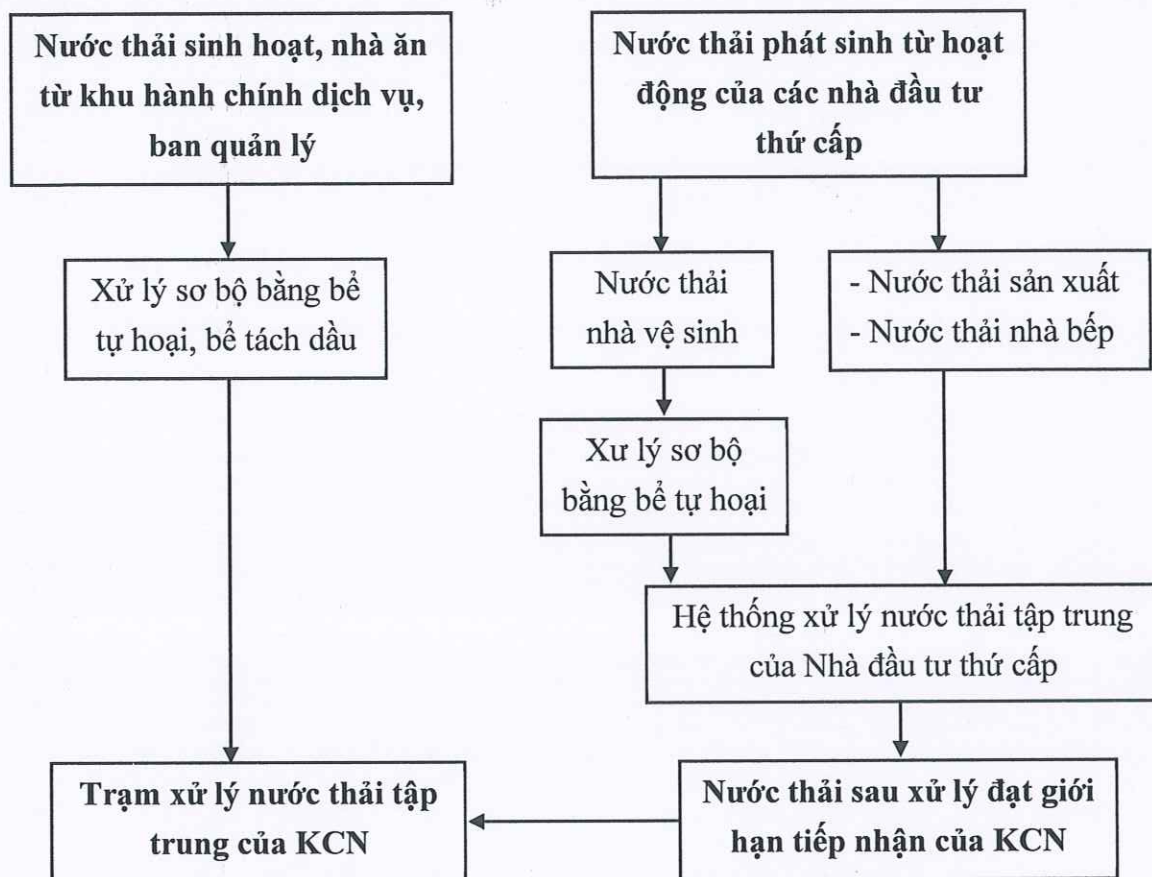
*** Giai đoạn vận hành:**

❖ Trách nhiệm của các doanh nghiệp thứ cấp

- Các nhà đầu tư thứ cấp phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt, không được đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

- Nước thải phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp vào KCN phải được xử lý đạt các quy định đầu vào của trạm XLNT tập trung của KCN. Các quy định về đầu ra của nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp vào KCN sẽ được xác định rõ trong hợp đồng thuê đất giữa Chủ dự án và nhà đầu tư thứ cấp vào KCN.

Sơ đồ thu gom nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp vào KCN được thể hiện ở hình sau:



Sơ đồ thu gom nước thải phát sinh tại dự án

* Trách nhiệm của Nhà đầu tư

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp) được thu gom về hệ thống thu gom nước thải bằng ống thoát nước HDPE có đường kính 400 mm - 500 mm thiết kế đảm bảo độ dốc $\geq 1/D$ kết hợp với hệ thống bơm chuyển bậc để dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.500 m³/ngày đêm đạt QCVN 40:2025/BTNT cột A trước khi thoát ra Ngòi Chi Lễ (kênh Đức Mại) tại 01 cửa xả trước khi dẫn ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thương.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của khu nhà điều hành, khu vực điều hành trạm xử lý nước thải được thu gom, xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại trước khi đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Chỉ cho phép các doanh nghiệp đầu nối vào hệ thống thoát nước thải KCN sau khi đã xử lý đáp ứng theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp.

- Để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra từ các dự án đầu tư thứ cấp vào KCN Nhà đầu tư sẽ lấy mẫu định kỳ hoặc đột xuất chất lượng nước thải của các

doanh nghiệp này. Vị trí giám sát tại hồ ga nước thải phía ngoài hàng rào của các nhà máy. Các mẫu nước thải được phân tích tại phòng thí nghiệm đặt tại trạm XLNT.

- Kết quả phân tích mẫu nước thải sẽ xác định cho phép nước thải của nhà máy thành viên đó có được xả vào hệ thống nước thải tập trung hay không. Nếu nồng độ các chỉ tiêu phân tích vượt quy chuẩn đầu vào của trạm XLNT thì Nhà đầu tư sẽ yêu cầu doanh nghiệp dừng việc xả nước thải và có biện pháp khắc phục điều chỉnh hệ thống xử lý nước thải sơ bộ để chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo theo tiêu chuẩn của trạm XLNT tập trung.

- Lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động gồm các chỉ tiêu: Lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.

❖ *Phương án xử lý nước thải tập trung của Nhà đầu tư*

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Khu công nghiệp được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp có công suất 3.500 m³/ngày đêm.

- Trong giai đoạn đầu, nguồn nước thải phát sinh là không nhiều. Phương án hoạt động khi thiếu tải trong giai đoạn đầu khi lưu lượng nước thải thấp hơn công suất thiết kế mô tả như sau:

+ Hệ thống có thể vận hành ở chế độ bình thường đối với lưu lượng nước thải $\geq 20\%$ tổng công suất, mà không cần phải bổ sung thêm cơ chất.

+ Đối với trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào $\leq 20\%$, chế độ vận hành như sau:

++ Thu gom nước thải từ hồ gom vào hồ sự cố đến mức 80% (dự phòng 20% để chứa nước thải trong 24h nếu khởi động bị sự cố). Sau đó bơm tiếp nước thải từ hồ gom vào bể điều hòa đến mức cao nhất.

++ Căn cứ vào lưu lượng đầu vào thực tế và lượng nước chứa trong hồ sự cố để quyết định lưu lượng nước thải của bơm chìm trong bể điều hòa. Đảm bảo lưu lượng của bơm bể điều hòa lớn hơn hoặc bằng lưu lượng vào trạm. Có thể điều chỉnh lưu lượng thông qua hệ thống biến tần hoặc qua van và đường bypass, lưu lượng bơm vào hệ thống được kiểm soát qua đồng hồ đo lưu lượng.

++ Kiểm soát hóa chất châm vào bể: nếu cơ chất đầu vào không đủ, cần bổ sung thêm dinh dưỡng để duy trì hoạt động của vi sinh.

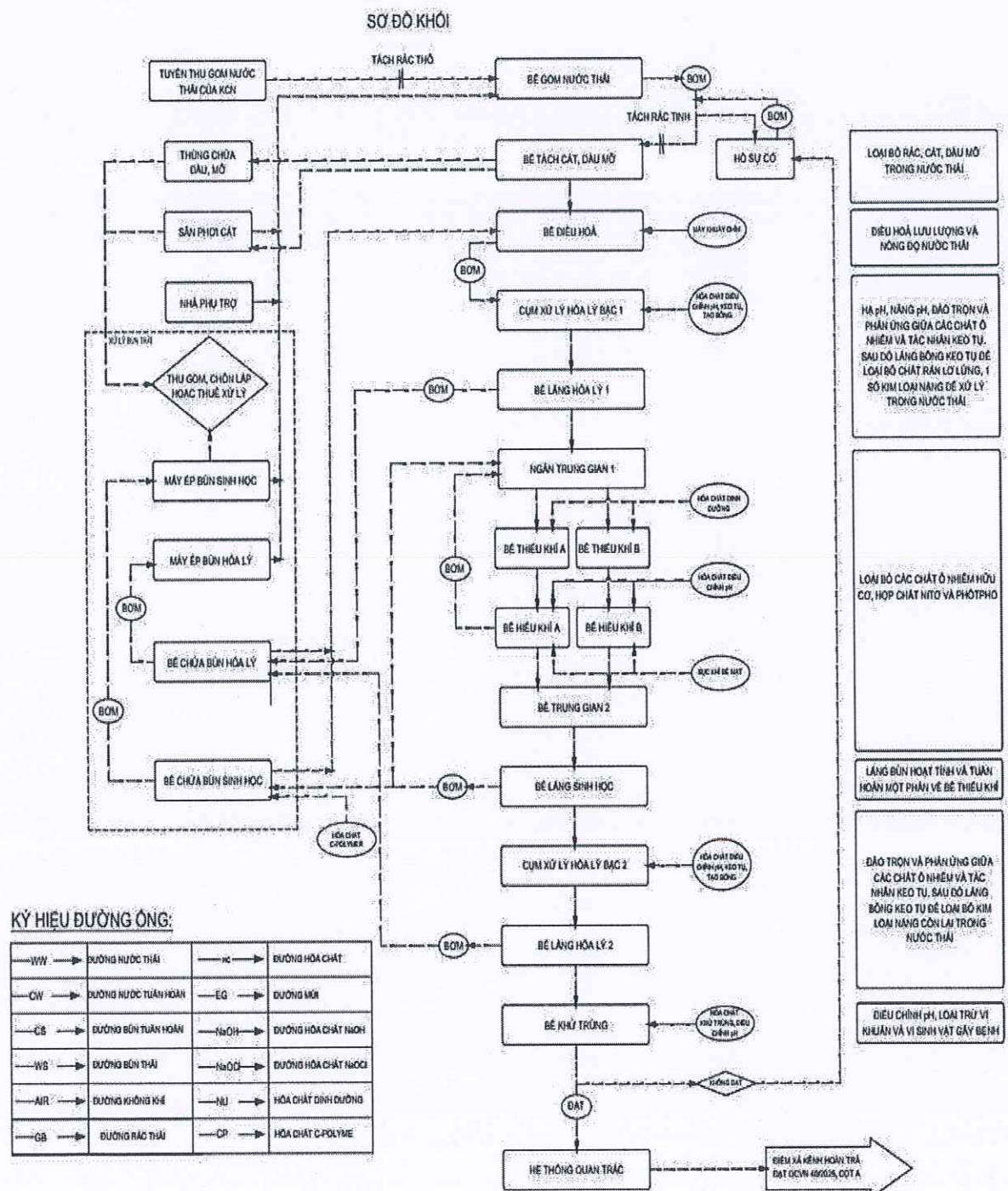
++ Kiểm soát lưu lượng khí cấp vào bể: Nhu cầu ô xy hòa tan trong bể cần thiết duy trì ở mức 2 - 4 mg/l. Giá trị này được đo và kiểm soát bởi thiết bị đo DO lắp đặt trong bể hiếu khí. Tín hiệu từ đầu đo sẽ truyền về biến tần để điều khiển hoạt động của máy thổi khí. Trường hợp thiếu tải, nhu cầu ôxy cần cấp vào bể cũng giảm, thiết

bị đo DO sẽ truyền tín hiệu về biến tần để giảm tần số hoạt động của máy thổi khí hoặc giảm số lượng máy thổi khí hoạt động, giúp đảm bảo ổn định hệ thống và tiết kiệm chi phí vận hành.

++ Kiểm soát nồng độ vi sinh vật trong bể: giảm nồng độ vi sinh vật trong bể đến mức phù hợp theo lưu lượng nước thải từ bể điều hòa bơm sang.

- Trạm XLNT tập trung 3.500 m³/ngày đem sử dụng công nghệ AO + hóa lý 2 cấp.

Quy trình công nghệ xử lý như sau:



- **Vị trí đặt trạm:** Vị trí xây dựng trạm xử lý nước thải của dự án bố trí trong khu vực hạ tầng kỹ thuật 3 (HTKT.3) phía Bắc của dự án. Trạm xử lý có hệ thống thu gom, xử lý mùi và cách nhà dân gần nhất 133m đảm bảo theo quy định của QCVN 01:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người. Như vậy theo QCVN 01:2025/BTNMT tại Bảng 1. Giá trị khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở từ nguồn thải đến công trình gần nhất của khu dân cư (*Công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học: Quy mô công suất nhỏ dưới $5.000 m^3/ngày \geq 100 m$*). Bên cạnh đó xung quang khu vực trạm xử lý bố trí trồng xen kẽ dải cây xanh vừa có chức năng tạo bóng mát vừa có chức năng cải thiện môi trường giảm bớt mùi hôi của phát tán ra khu vực xung quanh.

- **Dòng nước thải:** 01 dòng nước thải công nghiệp đã qua xử lý.

- **Vị trí xả thải:** 01 điểm xả vào ngòi Chi Lễ (kênh Đức Mại) trước khi chảy ra sông Thương (khoảng cách từ vị trí xả thải đến sông Thương khoảng 1,5km về phía Tây của dự án).

- **Phương thức xả thải:** Cường bức bằng máy bơm.

- **Hiệu quả xử lý:** Chất lượng nước thải đầu ra sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT, cột A.

2.3.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

* Giai đoạn xây dựng:

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án một cách hợp lý, không để ùn tắc giao thông, lưu lượng quá đông.

- Máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng đảm bảo các yếu tố đạt tiêu chuẩn khí thải.

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng $5 m^3$. Công tác tưới nước được thực hiện trong ngày (trừ những ngày mưa) nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tùy thuộc vào thời tiết, số lần tưới trung bình khoảng 2-4 lần/ngày và tăng lên 4-6 lần/ngày đối với những ngày hanh khô, nắng nóng

- Có nội quy cho xe chở vật liệu xây dựng khi đi vào khu vực để hạn chế tối đa lượng bụi phát tán vào môi trường không khí như:

+ Khi chạy qua các khu vực đông dân cư phải chạy chậm để hạn chế đất đá, bụi rơi vãi trên đường (chạy với tốc độ 5km/h).

+ Không chế khoảng cách tối thiểu giữa các xe vận chuyển nguyên vật liệu tối thiểu là 200m để hạn chế bụi.

*** Giai đoạn vận hành:**

Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí đề xuất tại mục này được áp dụng trên toàn bộ Dự án.

- *Yêu cầu đối với các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp*

+ Khi các nhà đầu tư thứ cấp lập dự án đầu tư vào KCN, các dự án này sẽ phải lập báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường riêng trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời sẽ phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xây dựng các công trình xử lý như bụi và khí thải phát sinh đạt các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo nội dung đề xuất trong hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án (nếu có).

+ Tuân thủ quy hoạch diện tích cây xanh theo QCVN 01:2021/BXD, diện tích cây xanh trong các nhà máy, xí nghiệp phải đảm bảo tối thiểu 20%.

- *Yêu cầu đối với Nhà đầu tư*

+ Thực hiện trồng cây xanh với tổng diện tích khoảng 16,02 ha chiếm 10,01% diện tích toàn KCN.

+ Yêu cầu các phương tiện tắt động cơ khi dừng đỗ trong phạm vi của KCN. Hạn chế tốc độ xe chạy dưới 50 km/h trong các tuyến đường nội bộ; quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

+ Định kỳ thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khuôn viên Khu công nghiệp; quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi.

+ Sửa chữa ngay các tuyến đường nội bộ khi phát hiện thấy hư hỏng.

+ Tại khu vực tập kết tạm rác thải, các thùng chứa rác thải được vệ sinh và phun khử mùi định kỳ hàng ngày.

+ Bảo dưỡng thường xuyên đối với hệ thống thu gom nước thải; Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị nhằm hạn chế tích tụ và phân hủy bùn cặn hữu cơ có trong hệ thống này bị phân hủy ở điều kiện kỵ khí bị phân huỷ sinh ra mùi hôi. Định kỳ 6 tháng/ lần Nhà đầu tư sẽ thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn thải và vận chuyển xử lý theo quy định. Định kỳ bảo trì các thiết bị.

+ Máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí vị trí phòng đặt máy phát điện dự phòng đảm bảo khoảng cách ly với các khu vực khác.

+ Đồng thời thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải trong suốt quá trình vận hành Dự án.

+ Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hệ thống thu gom chất thải rắn và hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải. Khoảng cách từ Trạm XLNT tập trung đến hộ dân gần nhất khoảng 133m đảm bảo theo quy định của QCVN 01:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người. Như vậy theo QCVN 01:2025/BTNMT tại Bảng 1. Giá trị khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở từ nguồn thải đến công trình gần nhất của dự án (*Công trình xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học: Quy mô công suất nhỏ dưới 5.000 m³/ngày ≥ 100 m*). Bên cạnh đó xung quang khu vực trạm xử lý bố trí trồng xen kẽ dải cây xanh vừa có chức năng tạo bóng mát vừa có chức năng cải thiện môi trường giảm bớt mùi hôi của phát tán ra khu vực xung quanh.

2.3.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.3.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Chất thải phát quang:

+ Trước khi thi công 2 tháng, Chủ dự án thông báo kế hoạch thi công đến từng địa phương nơi có các hộ dân có đất nằm trong dự án để người dân có kế hoạch gieo trồng và thu hoạch nông sản phù hợp, tránh gây lãng phí.

+ Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau.

+ Chỉ phát quang trong ranh giới diện tích dự án, không xâm phạm đến cây trồng của người dân nằm ngoài dự án.

+ Nghiêm cấm mọi hành vi đốt các phế thải sau khi phát quang, thu dọn tại khu vực dự án.

+ Các xe vận chuyển đều có thùng kín, bạt che phủ kín thùng xe.

+ Đối với khối lượng thực bì dọn dẹp người dân không sử dụng được vào các mục đích nào cần thải bỏ Chủ dự án sẽ sử dụng xe có trọng tải 5 tấn vận chuyển đi đổ thải tại bãi đổ thải.

- Chất thải sinh hoạt:

+ Chủ dự án tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

+ Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân.

+ Bố trí 05 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực lán trại tạm và hợp đồng với tổ vệ sinh tại địa phương định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý theo quy định tần suất 3 lần/tuần.

- Đối với đất bóc tầng đất mặt và chất thải từ quá trình phờ dỡ công trình hiện hữu, bùn thải:

+ Phương án sử dụng đất bóc tầng đất mặt của dự án: Tận dụng toàn bộ lượng đất bóc để san lấp trong khu vực cây xanh, không vận chuyển ra bên ngoài dự án.

+ Đối với các công trình hiện hữu cần phá dỡ, toàn bộ mái tôn, sắt thép được người dân thu hồi hoàn toàn, còn lại lượng phế thải không thể sử dụng được theo tính toán khối lượng phát sinh không nhiều toàn bộ lượng phế thải này chủ dự án sẽ sử dụng xe có trọng tải 5 tấn vận chuyển đi đổ thải.

+ Đối với bùn thải từ quá trình nạo vét ao hồ còn lại và công trình thủy lợi, toàn bộ lượng bùn thải này dự án sẽ sử dụng xe có trọng tải 5 tấn vận chuyển đi đổ thải.

+ Đối với bùn đất tích tụ vào các hệ thống cống rãnh từ các trận mưa sẽ được đơn vị thi công nạo vét sau mỗi trận mưa và tiếp tục tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các khu vực trong phạm vi dự án và không phải mang đi đổ thải.

- Biện pháp giảm thiểu do đất đá rơi vãi:

+ Sử dụng nguyên liệu hợp lý, tiết kiệm khoa học nhằm tránh phát sinh nhiều chất thải.

+ Thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng và có thể tận dụng các loại phế liệu phục vụ cho chính hoạt động xây dựng của Dự án.

++ Đối với các loại chất thải như đầu mẩu sắt thép, giấy vụn, bìa carton,... được thu gom vào thùng chứa và bán cho các đơn vị mua phế liệu.

++ Đối với các loại chất thải như: Đất, bê tông khô... tận dụng làm nguyên liệu trong quá trình xây dựng, các loại chất thải không tận dụng được chủ dự án sẽ sử dụng xe có trọng tải 5 tấn vận chuyển đi đổ thải tại bãi đổ thải.

+ Lập nội quy quy định trên công trường để giữ gìn vệ sinh khu vực xây dựng, thực hiện tập kết vật liệu đúng nơi quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng và các phế liệu xây dựng được tập trung riêng biệt tại khu vực quy định cách xa nguồn nước đang sử dụng.

+ Bố trí phương tiện, nhân lực, dụng cụ (xẻng) trong việc thu gom đất, cát rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu. Chủ dự án tận dụng (01) xe tải của dự án để phục vụ việc thu gom, đất cát rơi vãi được thu gom sẽ được tận dụng đổ nền san lấp những khu vực trống trong khu vực dự án. Cam kết không đổ bừa bãi xuống các khu vực khác ngoài phạm vi dự án gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Văn bản số 09/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Yêu cầu đối với các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các cơ sở thứ cấp trong KCN được chủ các cơ sở thứ cấp thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định. Nhà đầu tư hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong KCN do các Nhà đầu tư này tự hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong KCN do Nhà đầu tư của các cơ sở này tự ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Trách nhiệm của Nhà đầu tư:

+ Hướng dẫn các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp trong KCN thực hiện công tác quản lý chất thải theo đúng quy định. Yêu cầu các nhà máy trong Dự án phải thực hiện nghiêm túc việc thu gom, phân loại chất thải rắn và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo các biện pháp đề xuất trong hồ sơ môi trường của từng nhà máy được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành xử lý việc không chấp hành về phân loại, thu gom, xử lý CTNH của các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp trong KCN.

+ Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh trong quá trình vận hành hạ tầng kỹ thuật của KCN.

2.3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau để kiểm soát ảnh hưởng do các chất thải nguy hại là dầu mỡ và các chất thải nhiễm dầu mỡ, bao gồm các biện pháp sau:

- Hạn chế việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công, xe cộ tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố). Các phương tiện hoạt động trên công trường khi đến hạn bảo dưỡng hoặc thay dầu được đưa tới các gara chuyên nghiệp để xử lý các vấn đề liên quan đến kỹ thuật. Không thực hiện thay dầu hay sửa chữa tại khu

vực để hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi của các loại dầu máy có chứa thành phần độc hại ra môi trường.

- Thu gom tối đa lượng dầu mỡ rơi vãi và giẻ lau dính dầu mỡ...vào các thùng chứa riêng biệt có nắp đậy đặt trong dự án

- Thu gom, phân loại riêng biệt từng loại chất thải phát sinh, bố trí 6 thùng phi có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa CTNH có diện tích 15m² tại phía Bắc của dự án, kết cấu tôn ghép, cửa lưới thép, có biển cảnh báo.

Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật tần suất 01 năm/lần.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động tại khu điều hành, dịch vụ do Nhà đầu tư thu gom, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải nguy hại.

- Trang bị khoảng 10 thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít theo số lượng mã chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án. Các thùng chứa được dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo quy định.

- Nhà đầu tư sẽ xây dựng 01 khu lưu giữ CTNH có diện tích khoảng 10 m² đặt trong nhà đặt máy ép bùn với kết cấu tường gạch, mái tôn, mặt sàn kho chứa được sơn epoxy chống thấm, bố trí rãnh thu nước chảy tràn xung quanh mặt sàn. Nước theo rãnh thu nước dẫn về hồ gom và xử lý tại trạm XLNT.

- Nhà đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Định kỳ 3 tháng/ lần hoặc tùy thuộc vào khối lượng phát sinh nhưng không quá 12 tháng.

- Bùn thải:

- + Đối với bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải được xử lý như sau: Bùn thải → bể chứa bùn → bể nén bùn → máy ép bùn hoặc sân phơi bùn → bánh bùn → khu vực chứa bùn trong nhà đặt máy ép bùn. Lượng bùn thải phát sinh này sẽ được thu gom và quản lý như CTNH, Nhà đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.

- + Định kỳ 6 tháng/ lần hoặc khi có sự cố, Nhà đầu tư sẽ thuê đơn vị có chức năng nạo vét, hút bùn thải tại các hố ga, hệ thống thoát nước mưa, bể phốt và vận chuyển xử lý theo quy định.

2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

*** Giai đoạn hoạt động:**

- Các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp.

- Quy định tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường nội bộ của dự án không quá 50 km/h.

- Lắp đặt đầy đủ các biển báo chỉ dẫn an toàn giao thông kèm theo các quy định các loại phương tiện vận tải dừng đỗ và di chuyển trên các tuyến đường theo quy định và chỉ dẫn để hạn chế lượng khí thải, tiếng ồn và các sự cố ùn tắc, tai nạn giao thông.

- Thành lập tổ tự quản để điều tiết giao thông khi cần thiết và giảm thiểu khả năng ùn tắc,... gây gia tăng tiếng ồn đối với khu các khu vực chức năng. Tuyên truyền nâng cao ý thức tham gia giao thông đối với toàn bộ công nhân viên.

- Thực hiện các công tác vệ sinh đường giao thông xung quanh công trình, bảo dưỡng và duy tu đảm bảo cho xe lưu thông và vận hành tốt cũng là biện pháp hiệu quả giảm tiếng ồn của các dòng xe lưu thông trên các tuyến đường xung quanh.

- Bố trí máy phát điện có tiếng ồn thấp hoặc trong phòng cách âm; sử dụng móng bê tông vững chắc và đệm giảm chấn để chống rung; kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

2.3.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Đối tượng bồi thường: Khi triển khai dự án, đối tượng cần bồi thường là: Cây trồng có giá trị (cây lâm nghiệp) theo quy định của pháp luật, số lượng cây kiểm đếm trên diện tích dự án 159,97 ha.

- Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Nguồn kinh phí: Nhà đầu tư bố trí kinh phí để UBND huyện Lạng Giang tổ chức bồi thường GPMB dự án.

- Công tác khảo sát, rà phá bom mìn nằm trong kế hoạch giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng, được thực hiện trước giai đoạn san lấp tạo mặt bằng.

- Công tác khảo sát và rà phá bom mìn được thực hiện bởi các đơn vị có đủ năng lực và chuyên môn được Nhà nước quy định.

- Phân luồng giao thông khi lưu lượng giao thông tham gia đông: Bố trí cán bộ ra hướng dẫn, phân luồng khi lưu lượng phương tiện giao thông vào dự án và phương tiện tham gia giao thông tăng cao tại khu vực dự án.

- Để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tuyến đường ra vào khu vực thi công, Chủ dự án có chế độ điều tiết xe vận tải, quy định khoảng cách giữa các xe vận chuyển phải cách nhau ít nhất là 150 - 200m. Bên cạnh đó, phải phân luồng giao thông đảm bảo không để xảy ra tắc nghẽn cục bộ.

- Xây dựng lán trại đảm bảo vệ sinh, an toàn cho công nhân nghỉ trưa.

- Dự án tuyển dụng nhà thầu thi công tại địa phương, do đó công nhân chỉ làm việc ban ngày tại dự án, không ở lại buổi tối, do đó hạn chế được rất nhiều vấn đề xã hội phát sinh tại khu vực dự án, như nạn trộm cắp, bất hòa với cộng đồng,....

- Bố trí nhà vệ sinh di động tại công trường để thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến công nhân cũng như người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án.

Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; tổ chức thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ; kiểm định máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng; Tổ chức khai báo, điều tra thống kê, báo cáo và giải quyết sự cố sập, đổ máy, thiết bị, vật tư sử dụng trong thi công xây dựng đúng theo quy định của Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

- Lập bảng đề ra các nội quy và đội kiểm tra về an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy chế phòng, chống cháy nổ trên công trường.

- Lập hàng rào ngăn hoặc biển báo hướng dẫn những nơi nguy hiểm tại công trường, kho chứa các chất dễ cháy nổ...

- Xe chở đúng trọng tải quy định, không vượt quá mức cho phép, gây rơi vãi xà bần, cây cối làm cản trở giao thông trên các tuyến đường mà xe đi qua,

- Yêu cầu các chủ phương tiện chở vật liệu đúng tải trọng cho phép và tuân thủ luật giao thông, chạy đúng tốc độ cho phép nhằm hạn chế khả năng xảy ra tai nạn giao thông;

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ,

- Hạn chế các nguồn dễ phát sinh cháy, nổ như lửa, chập điện, hàn điện, đun nấu tại công trường, hút thuốc.

- Khu vực kho chứa nhiên liệu có nền cao hơn so với khu vực xung quanh, có đê bao quanh để chống tràn dầu;

- Nhiên liệu được đựng hoặc chứa trong các thùng chuyên dụng, đảm bảo kín, không gây rò rỉ;

- Hạn chế sự rò rỉ nhiên liệu trong quá trình tiếp nhận và cấp phát xăng dầu, Có hệ thống thu gom, tách dầu rơi vãi, rò rỉ.

- Thành lập hệ thống an toàn lao động chuyên trách, lập và duyệt biện pháp an toàn lao động cho từng quá trình thi công, từng hạng mục.

- Tổ chức học tập, huấn luyện về công tác an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ, công nhân tham gia trên công trường.

- Không được hút thuốc, đốt lửa hay hàn gần khu vực cấm lửa, khu vực có xăng dầu, thiết bị, máy móc.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị vận tải để các phương tiện luôn hoạt động trong trạng thái tốt nhất.

- Thường xuyên nhắc nhở các cán bộ, công nhân nghiêm túc chấp hành luật giao thông khi tham gia giao thông.

- Đặt các biển báo hiệu để cảnh báo cho người dân được biết là khu vực có xe thường xuyên ra vào nhằm hạn chế tại nạn xảy ra.

- Một số nội dung quy định tại Điều 5: Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn và công trình.

- Do chủ dự án hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp đến chân công trình do vậy trong hợp đồng cung ứng nguyên liệu xác định rõ trách nhiệm, ràng buộc về đảm bảo an toàn giao thông, an toàn vận chuyển từ mỏ đến chân công trình.

- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại, tu bổ đối với những tuyến đường xuống cấp do đơn vị cung ứng thực hiện, chủ đầu tư phối hợp xử lý những tình huống trong phạm vi dự án đã được thống nhất trong hợp đồng.

- Có kế hoạch thi công hợp lý, bằng cách tập trung thi công hệ thống thoát nước trước, bố trí tuyến mương đất thoát nước tạm thời để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước của khu vực, đồng thời thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về dự báo thời tiết để đẩy nhanh tiến độ khi có mưa bão.

- Trước khi thi công, phải thực hiện xử lý nền móng bằng cách nạo vét bùn hữu cơ, loại bỏ lớp đất yếu, đất không thích hợp, không đảm bảo chất lượng;

- Thực hiện thi công xây dựng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Phối hợp với các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp tuyển dụng tối đa lao động địa phương, ưu tiên giải quyết công ăn việc làm cho những lao động dư thừa trong khu vực do mất đất canh tác nông nghiệp đã được đào tạo tay nghề thông qua các dịch vụ lao động.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để thường xuyên theo dõi, quản lý nhân khẩu, ngăn chặn tệ nạn xã hội và giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh xảy ra, góp phần giữ gìn an ninh trật tự khu vực Dự án.

- Nghiêm cấm mọi hành vi xả chất thải, nước thải, chất thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước mưa.

- Thường xuyên tưới nước cho hệ thống cây xanh trong khu vực. Theo dõi, kịp thời phát hiện sâu bệnh, thay thế ngay các trường hợp cây bị chết, cây còi cọc, kém phát triển (tìm hiểu nguyên nhân, có biện pháp khắc phục phù hợp, kịp thời) để đảm bảo sự đồng đều của cây xanh trong công trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy cũng như các quy định pháp luật liên quan trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành.

- Đối với các cơ sở có dùng nhiên liệu khí hoá lỏng, nhiên liệu lỏng tuân thủ các quy định về khoảng cách và biện pháp an toàn khi có sự cố cháy nổ;

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, kiểm định định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị nhằm giám sát các thông số kỹ thuật.

- Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. Ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy; trang bị các phương tiện chữa cháy theo quy định.

- Bố trí hệ thống báo cháy, chữa cháy đồng bộ và đặt tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao. Tổ chức các lớp tập huấn, tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy hiệu quả.

- Vận tải và quá trình nhập xuất nhiên liệu: Thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nhiên liệu; Các phương tiện vận chuyển nhiên liệu, hóa chất có đủ tư cách pháp nhân, cũng như đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật khi vận chuyển trên đường giao thông.

- Các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp tự lập và ban hành Biện pháp ứng phó tình huống tràn đổ hóa chất cấp cơ sở, gửi Sở Công thương, tỉnh Bắc Giang để theo dõi.

- Định kỳ tiến hành bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải để phát hiện các lỗi hỏng hóc và có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

- Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống thu gom nước thải.

- Tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Xây dựng các công trình xử lý nước thải theo đúng quy mô thiết kế.

- Sự cố về mất điện: Máy phát điện dự phòng của hệ thống trạm XLNT luôn ở chế độ sẵn sàng và sẽ hoạt động khi có sự cố mất điện. Tại trạm bố trí máy phát điện dự phòng có công suất 200/220 kVA.

- Theo dõi, nắm bắt thông tin kịp thời về dự báo thiên tai. Tuân thủ các quy định về phòng chống bão lũ theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Lạng Giang và cơ quan phòng chống bão lũ;

- Khi xảy ra mưa giông, bão lũ, động đất phải luôn đảm bảo tiêu chí an toàn tính mạng con người là trên hết.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Chương trình quản lý môi trường

Mục tiêu của chương trình quản lý môi trường của Dự án là quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, thi công xây dựng các công trình của Dự án và trong quá trình Dự án đi vào hoạt động, Chương trình quản lý giám sát

môi trường của Dự án còn đảm bảo phù hợp với các tác động môi trường, các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đã đề ra trong báo cáo ĐTM, đảm bảo chương trình quản lý đúng đắn và các chức năng quản lý chất thải, đưa ra được cơ cấu phản ứng nhanh các vấn đề và sự cố môi trường không lường trước được, Nội dung cơ bản của chương trình quản lý môi trường của Dự án bao gồm:

- Các hoạt động của Dự án trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình hoạt động;
- Các tác động môi trường Dự án trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động;
- Các biện pháp bảo vệ môi trường (Giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường, các công trình xử lý và quản lý chất thải, các công trình xử lý môi trường đối với các yếu tố khác ngoài chất thải);
- Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;
- Chương trình giáo dục, đào tạo về môi trường;
- Kinh phí thực hiện, thời gian thực hiện và hoàn thành các công trình xử lý;
- Cơ quan thực hiện và cơ quan giám sát thực hiện chương trình quản lý môi trường của Dự án.

2.4.2. Giám sát môi trường

2.4.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

*** Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:**

- Vị trí giám sát: 05 vị trí (01 vị trí tại tuyến đường vận chuyển giáp đường ĐH07; 01 vị trí giáp khu dân cư thôn Chi Lễ; 02 vị trí giáp khu dân cư thôn Cầu Trong; 01 vị trí giáp khu dân cư thôn Cầu Ngoài).
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và QCVN 26:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

*** Giám sát chất lượng môi trường nước mặt:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (cách 100m sau điểm dự kiến xả thải về phía hạ lưu) tại ngòi Chi Lễ (kênh Đức Mại).
- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, Nitrat, Phosphat, Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

*** Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

**** Giám sát tự động, liên tục:***

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.500 m³/ngày đêm.

- Thông số giám sát: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất giám sát: Tự động, liên tục 24/24h.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Đầu nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động: Truyền số liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật.

**** Giám sát định kỳ nước thải:***

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.500 m³/ngày đêm.

- Thông số giám sát: Amoni, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ động thực vật, độ màu, chất hoạt động bề mặt anion, dầu mỡ khoáng, sunfua, formaldehyde, 1,4-Dioxane, Florua, As, Hg, Pb, Cd, tổng Cr, Mn, Fe, phenol, tổng phenol.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

**** Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, bùn thải***

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị

định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.5. Các nội dung khác

Không

3. Cam kết của Chủ dự án

Công ty Cổ phần thép Việt Úc là Chủ đầu tư của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” cam kết:

**** Đối với thu gom nước mưa, nước thải và xử lý nước thải:***

- Thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Hoàn thành đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải vào trước khi thu hút đầu tư doanh nghiệp thứ cấp.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom và các trạm xử lý nước thải tập trung trước khi đưa KCN vào vận hành, đảm bảo toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của KCN được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A trước khi xả ra ngoài môi trường. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với các trạm xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.500 m³/ngày với camera theo dõi, giám sát các thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni để kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý của Dự án theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang được thực hiện theo quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường.

- Quy định cụ thể đối với các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp trong KCN về việc xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua văn bản thỏa thuận; thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN theo đúng quy định.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**** Đối với xử lý bụi và khí thải:***

- Giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN phải xử lý bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép riêng cho từng dự án.

**** Đối với thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:***

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

**** Đối với tiếng ồn, độ rung:***

Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất KCN theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh trong KCN song song với quá trình thi công xây dựng.

**** Đối với phòng ngừa và ứng phó sự cố:***

Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án.

*** Các nội dung cam kết khác:**

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; tuân thủ các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao và QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Chỉ được phép thu hút các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề phù hợp; yêu cầu các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp vào Khu công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Không thu hút loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được chỉnh sửa, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 có phát sinh khí thải trong giai đoạn hoạt động ở các lô đất tiếp giáp khu dân cư.

- Chỉ được tiếp nhận các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp vào KCN khi hệ thống xử lý nước thải tập trung còn có khả năng xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh của cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp.

- Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với KCN theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được chỉnh sửa, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

- Tuân thủ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý KCN và khu kinh tế.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; việc xả nước thải sau xử lý của Dự án vào công trình thủy lợi phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung và năng lực tiêu thoát nước của công trình thủy lợi.

- Xây dựng, vận hành hồ sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng và vận hành của các cơ sở, dự án thứ cấp đầu tư trong Dự án đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án đầu tư thứ cấp khi đăng ký đầu tư vào KCN; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của KCN phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, phòng chống

cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ môi trường sau khi đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án.

- Chỉ được đưa Dự án vào hoạt động sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, được cấp Giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường theo quy định; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Chủ Dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chủ Dự án phải chịu trách nhiệm và bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

